

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/DS-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Ngọc T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Minh L, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: Số A, quốc lộ B, khu phố C, phường D, thị xã G, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L; bị đơn bà Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/8/2019, quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Lê Minh L) trình bày tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Giữa bà Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ quen biết, do có nhu cầu vốn làm ăn nên bà Đ đến nhà bà T vay tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 12/01/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);
- Ngày 05/10/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và hứa sau 05 tháng là đến ngày 05/3/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên;
- Ngày 19/12/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và hứa sau 05 tháng là ngày 19/5/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên;
- Ngày 20/02/2018 vay số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và hứa sau 02 tháng là đến ngày 20/4/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên.

Khi vay tiền phía bà T là người lập giấy tờ tay và bà Đ ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán phía bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết thời gian trả nợ. Vì vậy, bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng yêu cầu bà Đ phải thanh toán tổng số tiền vay là 180.325.000 đồng (bao gồm 160.000.000 đồng tiền gốc và 20.325.000 đồng tiền lãi).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy ghi nội dung số tiền 45.000.000 đồng ngày 20/02/2018; giấy ghi nội dung số tiền 100.000.000 đồng ngày 19/12/2017; giấy ghi nội dung số tiền 5.000.000 đồng ngày 12/01/2017; giấy ghi nội dung số tiền 10.000.000 đồng ngày 05/10/2017.

Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Tại biên bản làm việc ngày 08/4/2019, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (bà Nguyễn Thị Đ) trình bày tranh tụng tại phiên tòa:

Ngày 18/02/2019, bà Phạm Ngọc T khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng yêu cầu thanh toán số tiền vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng đối chiếu số tiền đã thanh toán cho bà T thì bà Đ chỉ đồng ý thanh toán số tiền 45.000.000 đồng, không chấp nhận số tiền còn lại 115.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 20.325.000 đồng thì bà Đ cũng không đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn không có tranh chấp gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục. Về nội dung vụ án phía bà Đ đã vay của bà T số tiền 160.000.000 đồng thể hiện tại các chứng cứ giấy ghi nội dung số tiền 45.000.000 đồng ngày 20/02/2018;

giấy ghi nội dung số tiền 100.000.000 đồng ngày 19/12/2017; giấy ghi nội dung số tiền 5.000.000 đồng ngày 12/01/2017; giấy ghi nội dung số tiền 10.000.000 đồng ngày 05/10/2017. Mặc dù bị đơn không thừa nhận chữ ký tên của mình trên các giấy nợ trên nhưng tại Bản kết luận giám định số 183/GĐ-PC09 ngày 19/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương khẳng định chữ ký họ tên “Nguyễn Thị Đ” trên các tài liệu so sánh do cùng một người viết ra. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 160.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền lãi tính từ ngày 26/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 180.325.000 đồng (một trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, nguyên đơn bà Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán số tiền vay 160.000.000 đồng. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình làm việc tại Tòa án thể hiện phía bị đơn đang cư ngụ, sinh sống tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ quen biết, do có nhu cầu vốn làm ăn nên bà Đ đến nhà bà T vay tổng số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 12/01/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);
- Ngày 05/10/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và hứa sau 05 tháng là đến ngày 05/3/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên;
- Ngày 19/12/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và hứa sau 05 tháng là ngày 19/5/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên;
- Ngày 20/02/2018 vay số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và hứa sau 02 tháng là đến ngày 20/4/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên.

Khi vay tiền phía bà T là người lập giấy tờ tay và bà Đ ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán phía bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ

cam kết trả nợ. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là Giấy có nội dung vay tiền ngày 12/01/2017; ngày 05/10/2017; ngày 19/12/2017; ngày 20/02/2018 có chữ ký tên của bà Đ xác nhận. Mặc dù trong quá trình làm việc phía bị đơn bà Đ chỉ đồng ý thanh toán số tiền còn nợ 45.000.000 đồng và không chấp nhận số tiền còn lại 115.000.000 đồng vì bà Đ cho rằng chữ ký “Đ” và ghi họ tên “Nguyễn Thị Đ” trên những chứng cứ trên hoàn toàn không phải chữ ký, chữ viết của mình lập ra. Vì vậy, ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng ban hành quyết định trung cầu giám định số 29/2019/QĐ-TCGD để giám định chữ ký tên của bị đơn tại Công an tỉnh Bình Dương. Tại kết luận giám định số 183/GĐ-PC09 ngày 19/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ ký tên “Đ” trong “Giấy có nội dung vay tiền đề ngày 12/01/2017; ngày 05/10/2017; ngày 19/12/2017; ngày 20/02/2018 so với chữ ký tên “Đ” trên các tài liệu giám định là do cùng một người ký ra. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng là có thật và bị đơn cho rằng đã thanh toán được 45.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, ngược lại phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền gốc 160.000.000 đồng là phù với Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, yêu cầu tính lãi phát sinh của nguyên đơn: Tại phiên tòa, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi 20.325.000 đồng theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/8/2019, cụ thể như sau:

- Ngày 12/01/2017 vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) với tiền lãi $32 \text{ tháng} \times 0,75\% = 1.200.000 \text{ đồng}$;

- Ngày 05/10/2017 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với tiền lãi $23 \text{ tháng} \times 0,75\% = 1.725.000 \text{ đồng}$;

- Ngày 19/12/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với tiền lãi $16 \text{ tháng} \times 0,75\% = 12.000.000 \text{ đồng}$;

- Ngày 20/02/2018 vay số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) với tiền lãi $16 \text{ tháng} \times 0,75\% = 5.400.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây là lỗi cố ý của bị đơn là cố tình kéo dài vụ án, không hoàn trả tài sản đã nhận của người khác và nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cần xem xét đến mức lãi phát sinh đối với số tiền gốc 160.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi là 0,75% với tổng số tiền lãi 20.325.000 đồng là phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 180.325.000 đồng (bao gồm 160.000.000 đồng tiền gốc và 20.325.000 đồng tiền lãi).

[4] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Nguyên đơn đã thực hiện biện pháp bảo đảm nộp số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D, tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2019 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, việc hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và nhận lại tài sản bảo đảm sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi đương sự có yêu cầu.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định là 3.060.000 đồng theo biên lai thu ngày 19/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Chi phí đi lại là 400.000 đồng. Tổng cộng là 3.460.000 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu và đã nộp xong số tiền trên.

[7] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Đ thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Ngọc T số tiền 180.325.000 đồng (một trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị Đ chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Chi phí giám định: 3.460.000 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu và đã nộp xong số tiền trên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ không phải nộp.

- Hoàn trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền 4.508.125 đồng (bốn triệu năm trăm lẻ tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012960 ngày 18/02/2019 và số AA/2016/0031858 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam